

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ■; Nội dung không đúng thì để trống: □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ■;

Giảng viên thỉnh giảng □

Ngành: **KINH TẾ**;

Chuyên ngành: **KẾ TOÁN**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN VĂN HÒA**

2. Ngày tháng năm sinh: 09-11-1981

Nam ■; Nữ □

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ■

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Nga Văn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ 7, phường Long Biên, Quận Long Biên, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: A7-BT5 Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 0936138681

Điện thoại di động: 0987652789

E-mail: nvhoacva@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

+ Từ tháng 10/2007 đến năm 2017: Giảng viên Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, thành phố Hà Nội

+ Từ tháng 3/2017 đến tháng 5/2018: Phó hiệu trưởng, Trường Đại học Thành Tây, thành phố Hà Nội

+ Từ tháng 6/2018 đến tháng 3/2019: Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Hòa Bình, thành phố Hà Nội

+ Từ tháng 3/2019 đến tháng 7/2020: Phó hiệu trưởng, Trường Đại học Hòa Bình, thành phố Hà Nội

+ Từ tháng 8/2020 đến tháng 4/2021: Hiệu trưởng, Trường Đại học Chu Văn An, tỉnh Hưng Yên

+ Từ tháng 4/2021 đến nay: Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
Chức vụ hiện nay: Hiệu trưởng Chức vụ cao nhất đã qua: Hiệu trưởng
Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh Bắc
Địa chỉ cơ quan: phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại cơ quan: 0868 666 355
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- **Được cấp bằng Đại học ngày 20 tháng 11 năm 2004**; số văn bằng: 0610312; ngành: Quản lý kinh doanh; chuyên ngành: Tài chính kế toán; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội, Việt Nam

- **Được cấp bằng Thạc sĩ tháng 7 năm 2006**; số văn bằng: A1221864A; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Khoa học Ứng dụng Quốc gia Cao Hùng, Đài Loan

- **Được cấp bằng Tiến sĩ tháng 6 năm 2013**; số văn bằng: 20136D56001; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành: Kế toán; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại Học Trung Nguyên, Đài Loan

- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: KINH TẾ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Thứ nhất, nghiên cứu vận dụng các chuẩn mực kế, chính sách kế toán hiện hành đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai, nghiên cứu vai trò của kế toán quản trị trong việc điều hành và ra quyết định tại doanh nghiệp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 đề tài, trong đó 02 đề tài cấp cơ sở và 01 đề tài cấp nhà nước;
- Đã công bố 44 bài báo khoa học có chất lượng, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Danh hiệu lao động tiên tiến

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

** Về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp:*

Tôi luôn có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng lập trường vững vàng, không ngừng học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhiệm vụ được giao.

** Về công tác giảng dạy:*

Tôi luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định, có tâm huyết với nghề, có ý thức giữ gìn danh dự, có tinh thần đoàn kết, bảo vệ quyền lợi của người học. Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng học tập.

** Về công tác nghiên cứu khoa học:*

NCKH là một nhiệm vụ của giảng viên nên tôi luôn tham gia và hoàn thành nhiệm vụ NCKH, có nhiều bài báo đăng tải trên các tạp chí trong nước và nước ngoài, tham gia nhiều hội thảo khoa học và hoàn thành các đề tài khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 16 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn (giờ)	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD (giờ)	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017					390	30	420/420/270
2	2017-2018				140		45	45/195/54
3	2018-2019			3		45	20	65/87,5/54
3 năm học cuối								
4	2019-2020			2		90		90/90/54
5	2020-2021					45		45/45/30
6	2021-2022						45	45/45/30

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh và Tiếng Trung

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ và luận án TS ☒; Tại nước: Đài Loan năm 2006 và năm 2013 bằng Tiếng Anh.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Thạc sĩ và bằng Tiến sĩ tại nước ngoài

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/ có Quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Đình Điệp		HVCH	x		11/2018-6/2019	ĐH Hòa Bình	Ngày 25/11/2019; số văn bằng: ETU000009/ QĐ cấp bằng số 1047/QĐ-ĐHNB ngày 25/11/2019
2	Phan Hùng Cường		HVCH	x		11/2018-6/2019	ĐH Hòa Bình	Ngày 25/11/2019; số văn bằng: ETU000007/ QĐ cấp bằng số 1047/QĐ-ĐHNB ngày 25/11/2019
3	Trần Thị Thảo Anh		HVCH	x		11/2018-8/2019	ĐH Hòa Bình	Ngày 23/3/2020; số văn bằng: ETU000247/ QĐ cấp bằng số 129/QĐ-ĐHNB ngày 23/3/2021
4	Tạ Thị Thắm		HVCH	x		9/2019-9/2020	ĐH Hòa Bình	Ngày 16/4/2021; số văn bằng: ETU000446/ QĐ cấp bằng số 234/QĐ-ĐHNB ngày 26/3/2021
5	Mai Hùng Vĩ		HVCH	x		9/2019-9/2020	ĐH Hòa Bình	Ngày 16/4/2021; số văn bằng: ETU000453/ QĐ cấp bằng số 234/QĐ-ĐHNB/ ngày 26/3/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang... đến trang...)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	<i>Trước khi được cấp bằng TS</i>						
II	<i>Sau khi được cấp bằng TS</i>						
1	Giáo trình Kế toán tài chính 1	GT	NXB Tài chính, 2021 (ISBN: 978-604- 79-2770- 8)	2	Đồng chủ biên	Từ trang 238-332 (chương 6 và chương 7)	QĐ số 50/QĐ- ĐHCVA ngày 28/12/2020
2	Lý thuyết kế toán	GT	NXB Tài chính, 2021 (ISBN: 978-604- 79-2770- 8)	2	Đồng chủ biên	Từ trang 120-129; 143-162 (chương 4 và phần bài tập)	QĐ số 49/QĐ- ĐHCVA ngày 28/12/2020
3	Cẩm nang kế toán – 100 nghiệp vụ kinh tế phát sinh và 8 phương pháp giá thành	CK	NXB Tài chính, 2021 (ISBN: 978-604- 79-2770- 8)	2	Chủ biên	Từ trang 7- 86 (phần 1)	QĐ số 51/QĐ- ĐHCVA ngày 28/12/2020

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	<i>Trước khi được cấp bằng TS</i>				
II	<i>Sau khi được cấp bằng TS</i>				

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Tác động của chuẩn mực kế toán quốc tế tới chất lượng kế toán của doanh nghiệp Việt Nam một vài gợi ý từ nghiên cứu định lượng	CN	Cấp cơ sở Trường ĐH Hòa Bình	6 tháng, từ tháng 4-9/2019	Ngày 05/3/2020, xếp loại Giỏi
2	Hoàn thiện tổ chức kế toán quản trị tại Trường Đại học Chu Văn An	CN	Cấp cơ sở Trường Đại học Chu Văn An	4 tháng, từ tháng 8-11/2020	Ngày 28/12/2020, xếp loại Xuất sắc
3	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển bền vững các trường đại học ngoài công lập ở Việt Nam	Thành viên chính	KHGD/16-20.ĐT.017, cấp Nhà nước	24 tháng, từ tháng 11/2017 - 11/2019	Ngày 22/6/2021, xếp loại vượt mức đăng ký

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được cấp bằng TS							
1	How china to U.S Foreign Exchange rate relates to U.S Interest Rate and Bank Loans	1	x	Global Journal of Business Research (ISSN:			Volume 7, Number 4, 101-108	2013

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
				1931-0277 (print) ISSN: 2157-0191 (online)				
II	<i>Sau khi được cấp bằng TS</i>							
1	Phát huy vai trò của kế toán quản trị trong cách mạng công nghiệp 4.0	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			725, 71-74	3/2020
2	Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực kế toán tại Việt Nam	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			727, 138-141	4/2020
3	Tác động của công nghệ số đến lĩnh vực kế toán ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			728, 147-150	5/2020
4	Phát triển lĩnh vực kế toán Việt Nam trong giai đoạn mới	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			729, 67-70	5/2020
5	Công tác kế toán tại doanh nghiệp siêu nhỏ và một số lưu ý	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			731, 67-70	6/2020
6	Application of management accounting at Vietnamese enterprises in the industrial revolution 4.0	1	x	Review of Finance (ISSN-2615-8981)			Vol.3, Issue 2, 19-22	6/2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
7	Green accounting and the prospect of application in Vietnam	1	x	Review of Finance (ISSN-2615-8981)			Vol.3, Issue 2, 27-29	6/2020
8	Áp dụng mô hình kế toán tinh gọn trong doanh nghiệp và một số đề xuất	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			732, 95-98	7/2020
9	Các tiêu thức phân loại báo cáo kế toán cho doanh nghiệp	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			733, 35-38	7/2020
10	Giải pháp phát triển dịch vụ kế toán tại Việt Nam và một số kiến nghị	1	x	Tạp chí Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			571, 66-68	8/2020
11	Xây dựng và áp dụng Chuẩn mực kế toán công ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế Quốc tế	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			735, 45-48	8/2020
12	Ảnh hưởng của kế toán sáng tạo đến báo cáo tài chính	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			737, 63-66	9/2020
13	Building the Management Accounting model in the digital economy	1	x	Review of Finance (ISSN-2615-8981)			Vol.3, Issue 3, 19-22	9/2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
14	Applying Responsibility Accounting in Vietnamese firms	1	x	Review of Finance (ISSN-2615-8981)			Vol.3, Issue 3, 32-35	9/2020
15	Vận dụng kế toán tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp và một số vấn đề đáng lưu ý	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			575, 110-112	10/2020
16	Dicussion on administrative and non-business accounting in VietNam	1	x	Journal of Finance and Accounting Research (ISSN: 1859-4093 & 2588-1493)			No.01, 55-60	10/2020
17	Phát triển hoạt động cung cấp dịch vụ kế toán bền vững, lành mạnh tại Việt Nam	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615 – 8973)			741, 73-76	11/2020
18	Bàn về báo cáo tài chính tại các đơn vị hành chính sự nghiệp	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			557, 74-76	11/2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
19	Kế toán quản trị chiến lược và khả năng vận dụng vào các doanh nghiệp Việt Nam	1	x	Tạp chí Kế toán và kiểm toán (ISSN-1859-1914)			206, 21-24	11/2020
20	Giải pháp vận dụng kế toán xanh gắn với phát triển bền vững ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Kế toán và kiểm toán (ISSN-1859-1914)			Số tháng 12, 32-35	12/2020
21	Tính khả thi trong vận dụng kế toán điều tra ở Việt Nam và một số khuyến nghị	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			Số cuối tháng 12, 54-55	12/2020
22	Khả năng áp dụng kế toán quản trị môi trường ở Việt Nam và một số kiến nghị	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			585, 49-51	3/2021
23	Để đáp ứng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế thành công trong doanh nghiệp Việt Nam	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			751, 71-74	4/2021
24	Kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán và một số quy định đáng chú ý	1	x	Tạp chí Kế toán & kiểm toán (ISSN-1859-1914)			212, 34-36	5/2021

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
25	Trao đổi về khuôn khổ pháp lý về cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			Số cuối tháng, 123-125	5/2021
26	Tổ chức thu thập thông tin kế toán quản trị cho việc ra quyết định điều hành tại doanh nghiệp	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615 – 8973)			753, 118-120	5/2021
27	Implementing Viet Nam's accounting and auditings strategy in the coming time	1	x	Rewiew of Finance (ISSN-2615-8981)			Vol.4, Issue 1, 24-27	6/2021
28	The development of Vietnam's accounting under the impact of digital technology	1	x	Review of Finance (ISSN-2615-8981)			Vol.4, Issue 2, 22-24	6/2021
29	Những vấn đề mới đặt ra đối với lĩnh vực kế toán của Việt Nam	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán (ISSN: 1859-4093 & 2588-1493)			Số 06 (215), 27-30	6/2021

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
30	Những yêu cầu đặt ra cho người làm công tác kế toán trong bối cảnh mới	1	x	Tạp chí Công thương (ISSN-0866-7756)			15, 503-507	6/2021
31	Vận dụng kế toán quản trị đối với đơn vị sự nghiệp công lập và một số vấn đề đặt ra	1	x	Tạp chí Tài chính (ISSN-2615-8973)			757, 63-65	7/2021
32	Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			Số cuối tháng, 43-45	7/2021
33	Trao đổi về công tác kế toán của các đơn vị sự nghiệp công lập khi chuyển sang công ty cổ phần	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			595, 75-77	8/2021
34	Trao đổi về công tác kiểm toán nội bộ đối với đơn vị sự nghiệp công lập	1	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN-0868-3808)			599, 78-80	10/2021

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
35	Yêu cầu phát triển kiểm toán liên tục trong bối cảnh hội nhập	1	x	Tạp chí Kế toán & kiểm toán (ISSN-1859-1914)			217, 58-60	10/2021
36	Do State-Owned Enterprises add More Value from Banking Relationships Than Private-Owned Enterprises? The Case of China	2	x		Banks and Bank Systems (ISSN Print 1816-7403 and ISSN Online 1991-7074) (Scopus)		Volume 8, Issue 3, 3-23	10/2013
37	Does Excecutive Compensation Stimulus Firm Innovation? The Case of Taiwan	2			International Journal of Research in Commerce & Management (ISSN 0976-2183)		Volume No.7, Issue No.12, 1-5	12/2016
38	The impact IAS on accounting quality of Vietnamese enterprises	1	x		Intenational Journal of innovation, creativity		Volume 13, Issue 11, 419-432	11/2020

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
					and change (IJICC) (ISSN: 2201-1315 & 2201-1323) (Scopus)			
39	The solutions to improve financial works for private - public university in Vietnam	1	x		Intenational Journal of Management (IJM) (ISSN Print 0976-6502 and ISSN Online 0976-6510) (Scopus)		Volume 11, Issue 10, 339-345	10/2020
40	The change in exchange rate between USD and VND during Covid-19 epidemic	1	x		Intenation al Journal of Managem ent (IJM) (ISSN Print 0976-6502 and ISSN Online		Volume 12, Issue 3, 1235-1237	3/2021

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
					0976-6510) (Scopus)			
41	Governance on financial performance: Evidence from manufacturing firms listed on the Ho Chi Minh stock exchange, Viet Nam	4	x		Journal of law and political sciences (JLPS) (Print ISSN 2222-7288; Online ISSN 2518-5551)		Vol. (33), Issue (2)	3/2022
42	Impact of Trained Human Resources, Adoption of Technology and International Standards on the Improvement of Accounting and Auditing Activities in the Agricultural Sector in Viet Nam	7	x		AgBioForum (ISSN 1522936X) (Scopus)	59-71	24 (1)	2022
43	The Role of Financial Inclusion, Green Investment and Green Credit on Sustainable	6	x		Cuadernos de Economia (Scopus)	1-10	Volume 45, Issue 127	2022

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
	Economic Development: Evidence from Vietnam							
44	Applying responsibility accounting in Vietnamese firms	4	x		International Journal of Health Sciences (ISSN 2550-6978 E-ISSN 2550-696X) (Scopus)	1936-1944	6(S2)	3/2022

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 08 bài báo khoa học; thứ tự số [36] [38] [39] [40] [41] [42] [43] [44]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Tháng, năm công bố
I	<i>Trước khi được cấp bằng TS</i>							
II	<i>Sau khi được cấp bằng TS</i>							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng Quốc gia, Quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/Tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UWV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên giảng dạy chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ...

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2, BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS): ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 09 CTKH ■

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



NGUYỄN VĂN HÒA